

Số: **36**/2017/NQ-HĐND

Hà Nam, ngày **07** tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về quy hoạch phát triển công nghiệp - thương mại
tỉnh Hà Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ NĂM**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định 92/2006/NĐ-CP, ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập,
phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;*

*Căn cứ Nghị định 04/2008/NĐ-CP, ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi,
bổ sung một số điều của Nghị định 92/2006/NĐ-CP, ngày 07/9/2006 của Chính phủ
về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Thủ
tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam
đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;*

*Căn cứ Quyết định Số 3892/QĐ-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Công thương phê duyệt quy hoạch phát triển công nghiệp vùng Đồng
bằng Sông Hồng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Quyết định số
3098/QĐ-BCT ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công thương phê
duyet quy hoạch tổng thể phát triển thương mại Việt Nam giai đoạn 2011-2020,
tầm nhìn đến năm 2030; Văn bản số 5517/BCT-KH, ngày 22/6/2017 của Bộ
Công thương về việc góp ý đối với Dự thảo điều chỉnh quy hoạch phát triển công
nghiệp - thương mại tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.*

*Căn cứ quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính
phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam đến
năm 2020;*

*Xét Tờ trình số 3463/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2017 Ủy ban
nhân dân tỉnh Hà Nam; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội
đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của các đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1: Thông qua Quy hoạch phát triển công nghiệp - thương mại
tỉnh Hà Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 với những nội dung
chủ yếu sau:**

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

Tiếp tục phát triển công nghiệp với tốc độ cao, góp phần chuyển dịch cơ
cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phát triển mạnh thương

mại dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ có chất lượng cao cấp vùng về các lĩnh vực y tế, đào tạo nguồn nhân lực và du lịch. Cơ cấu kinh tế của tỉnh phát triển theo hướng công nghiệp – dịch vụ và nông nghiệp; tiến tới công nghiệp và dịch vụ - thương mại có tỷ trọng tương đương nhau sau năm 2030. Tăng cường năng lực, chủ động nắm bắt, tận dụng tối đa lợi thế của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (công nghiệp 4.0) để thúc đẩy phát triển công nghiệp, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhanh và bền vững.

Phát triển thương mại theo hướng hiện đại dựa trên các cơ cấu ngành hợp lý với sự tham gia của các thành phần kinh tế, vận hành trong môi trường cạnh tranh có sự quản lý và điều tiết của nhà nước. Đẩy mạnh xuất khẩu làm động lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Từng bước bắt nhịp với xu hướng thương mại điện tử mới của thế giới, phục vụ hiệu quả cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

2. Mục tiêu

- Về phát triển công nghiệp:

+ Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 15,14%; giai đoạn 2021 -2025 đạt 16,1%; giai đoạn 2026 -2035 đạt 13,37%.

+ Tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh đến năm 2020 là 53,7%; đến năm 2025 là 53% và đến năm 2035 là 47%

- Về phát triển thương mại:

+ Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ngành thương mại bình quân giai đoạn 2016-2020 tăng trên 10%/năm; giai đoạn 2021-2025 tăng trên 13%/năm; giai đoạn 2026-2035 tăng 13,15%/năm.

+ Tốc độ tăng trưởng tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 15,5%/năm, giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 17%/năm và giai đoạn 2026-2035 đạt khoảng 18%/năm.

+ Tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 20%/năm (đến năm 2020 đạt khoảng 2,5 tỷ USD), giai đoạn 2021 - 2025 đạt khoảng 15%/năm (đến năm 2025 đạt khoảng 5,0 tỷ USD) và giai đoạn 2026 - 2035 đạt khoảng 12-13%/năm.

II. QUY HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP CHỦ YẾU.

1. Công nghiệp chế biến Nông sản - Thực phẩm, Đồ uống

Khuyến khích các nhà máy sản xuất sữa, bia, nước giải khát trên địa bàn tỉnh mở rộng sản xuất, nâng công suất, đổi mới công nghệ đáp ứng nhu cầu thị trường. Căn cứ nhu cầu và khả năng sản xuất, có thể kêu gọi thu hút đầu tư thêm một số nhà máy sản xuất có quy mô công suất lớn và công nghệ hiện đại như: Dự án đầu tư sản xuất bia, công suất 100 triệu lít/năm; sản xuất, tinh chế rượu, cồn, công suất 3-5 triệu lít/năm; sản xuất nước giải khát, công suất 300 triệu lít/năm.

Giai đoạn sau 2025 nâng công suất các nhà máy hiện có lên mức 200 triệu lít bia/năm; 900 triệu lít nước giải khát/năm; duy trì ổn định công suất sản xuất rượu. Kêu gọi thu hút thêm dự án chế biến sữa hoặc nâng công suất từ 100.000 tấn - 200.000 tấn/năm. Khuyến khích phát triển các ngành sản xuất chế biến khác như: giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm; chế biến rau quả, chế biến đồ ăn nhanh; duy trì ổn định công suất nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi đã có.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành chế biến nông sản thực phẩm đồ uống (giá SS2010) bình quân giai đoạn 2016-2020 là 16,5%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 là 17,52%/năm; giai đoạn 2026 - 2035 là 14,39%/năm.

2. Công nghiệp sản xuất Thiết bị điện, Điện tử và Công nghệ thông tin

Tiếp tục tập trung phát triển và thu hút đầu tư, đặt biệt là đầu tư nước ngoài một số nhóm ngành đã có thế mạnh sản xuất trên địa bàn tỉnh như: Các sản phẩm thiết bị điện, điện tử thông dụng; linh kiện điện tử phục vụ cho việc hoàn thiện các sản phẩm điện tử gia dụng, các sản phẩm điện tử văn phòng, điện, điện tử phục vụ công nghiệp; các thiết bị thông tin di động chủ yếu ...

Đến giai đoạn sau năm 2025 sẽ phấn đấu tự chủ nắm vững đầy đủ các công nghệ mới trong sản xuất các nhóm sản phẩm công nghệ phức tạp hơn theo tiêu chí sản xuất xanh, tiết kiệm năng lượng, trình độ tự động hóa cao hơn. Chú trọng thu hút phát triển nhóm các sản phẩm mới hình thành từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư như: máy in 3D, robot, thiết bị đeo thông minh; phương tiện tự hành, máy tính lượng tử; công nghệ sinh học, công nghệ nano,...

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành công nghiệp sản xuất thiết bị điện, điện tử và Công nghệ thông tin (giá SS2010) bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 25,79%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 là 19,56%/năm; giai đoạn 2026 - 2035 là 17,55%/năm.

3. Công nghiệp Cơ khí chế tạo, lắp ráp

Khuyến khích các nhà máy sản xuất xe máy, sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy, các cơ sở cơ khí hiện có phát huy tối đa công suất. Ưu tiên thu hút đầu tư các dự án công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô, xe máy và các trang thiết bị khác; các dự án cơ khí, chế tạo máy phục vụ nông nghiệp và giao thông vận tải; sản xuất kết cấu thép xây dựng, phục vụ xây dựng trên địa bàn tỉnh và các đô thị lân cận.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành cơ khí chế tạo, lắp ráp (giá SS2010) bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 31,07%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 là 17,51%/năm; giai đoạn 2026 - 2035 là 20,24%/năm.

4. Công nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng

Duy trì ổn định công suất xi măng theo quy hoạch điều chỉnh là 18,07 triệu tấn/năm, ổn định tổng công suất vôi của các dự án đã có chủ trương đầu tư đến năm 2017, đồng thời tăng cường quản lý đưa ra ngoài quy hoạch những dự án có công nghệ lạc hậu, tiến độ đầu tư chậm, ảnh hưởng đến môi trường; tập trung vào việc đầu tư cải tạo để phát huy tối đa công suất thiết kế, giải quyết các vấn đề về môi trường; hạn chế mở rộng, cấp mới các dự án khai thác đá xây

dụng, đảm bảo duy trì ổn định công suất khai thác ở mức 10 triệu m³/năm. Phát triển hợp lý các sản phẩm vật liệu xây dựng mới, chế biến sâu để tiết kiệm tài nguyên. Không khuyến khích khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường. Đến năm 2020, chấm dứt hoạt động các mỏ đá khai thác ngắn hạn. Kiên quyết xử lý, chấn chỉnh tình trạng vi phạm trong hoạt động khai thác, chế biến đá.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng (giá SS2010) bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 9,29%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 là 10,04%/năm; giai đoạn 2026 - 2035 là 1,38%/năm.

5. Công nghiệp Hóa chất và sản xuất các sản phẩm từ hóa chất, hóa dược

Phát triển công nghiệp Hóa chất một cách bền vững đảm bảo môi trường sinh thái. Tập trung phát triển các nhóm sản phẩm hóa dược, đồng thời bố trí và lựa chọn hợp lý một số dự án sản xuất các sản phẩm phục vụ sản xuất và tiêu dùng khác như: Sản xuất săm lốp ô tô, hóa chất dùng cho sản xuất công nghiệp, các loại hạt nhựa PVC, bao bì ...

Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến và sản xuất thuốc có nguồn gốc từ dược liệu; các dự án bào chế thuốc đạt chuẩn GMP; sản xuất nguyên liệu làm thuốc, nguyên liệu hóa dược vô cơ; sản xuất tá dược thông thường và tá dược cao cấp phục vụ trung tâm y tế chất lượng cao.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành công nghiệp hóa chất và các sản phẩm từ hóa chất, hóa dược (giá SS2010) bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 18,33%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 là 23,12%/năm; giai đoạn 2026 - 2035 là 9,11%/năm.

6. Công nghiệp Dệt may - Da giày

Thu hút phát triển các dự án sản xuất nguyên, phụ liệu và công nghiệp hỗ trợ phục vụ cho ngành dệt may-da giày. Hạn chế thu hút mới các dự án may gia công, chỉ thu hút những dự án có công nghệ hiện đại, sử dụng ít lao động và hiệu quả cao. Khuyến khích đầu tư chiều sâu, nâng cao năng suất lao động, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm. Quan tâm việc đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ đáp ứng yêu cầu tay nghề kỹ thuật, góp phần giải quyết lao động tại địa phương.

Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp ngành dệt may - da giày (giá SS2010) bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 6,25%/năm; giai đoạn 2021 - 2025 là 9,61%/năm; giai đoạn 2026 - 2035 là 5,05%/năm.

7. Xây dựng và phát triển làng nghề

Hỗ trợ phát triển các làng nghề truyền thống đã và đang được khôi phục có khả năng phát triển, phát triển thêm các nghề mới. Đồng thời phát triển công nghiệp sơ chế và chế biến nông sản, tạo thành các cơ sở vệ tinh cho các nhà máy chế biến.

III. QUY HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI

1. Quy hoạch phát triển Thương mại theo thành phần kinh tế

Phát triển thương mại của tỉnh trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế, trong đó cần chú trọng phát triển các doanh nghiệp thương mại tư nhân cả về quy mô và phạm vi kinh doanh.

2. Quy hoạch phát triển Thương mại theo hình thái tổ chức

2.1. Phát triển mạng lưới chợ.

Nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới chợ hợp lý theo yêu cầu phát triển: Tại địa bàn nông thôn, phát triển mạng lưới chợ dân sinh hạng III cấp xã, phù hợp nhu cầu trao đổi mua bán hàng hóa của người dân; phát triển tại mỗi huyện tối thiểu một chợ trung tâm huyện ở quy mô chợ hạng II. Tại địa bàn đô thị, phát triển có chọn lọc mạng lưới chợ dân sinh hạng III cấp phường theo hướng văn minh, hiện đại; chú trọng ở những khu đô thị và khu dân cư tập trung mới hình thành; phát triển chợ đầu mối bán buôn ở ngoại vi các đô thị (thị trấn, thị xã, thành phố) nhằm đáp ứng nhu cầu tại chỗ của các thị trường lớn, trọng điểm và bảo đảm sự ổn định chung của thị trường.

2.2. Hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại.

Khuyến khích phát triển siêu thị, đa dạng hóa loại hình kinh doanh siêu thị, như: Siêu thị tổng hợp, siêu thị chuyên doanh, siêu thị bán buôn, siêu thị bán lẻ; tổ chức, định hướng phát triển siêu thị để hình thành mạng lưới siêu thị phân bố tương đối đều trên địa bàn các trung tâm đô thị lớn, phù hợp với đặc điểm kinh tế tại mỗi địa phương.

Khuyến khích, thu hút các nhà đầu tư xây dựng trung tâm thương mại tại các đô thị (thành phố, thị xã, thị trấn) trên địa bàn tỉnh; gắn kết hoạt động của các trung tâm thương mại với dịch vụ khách sạn, hội nghị, hội thảo, nhà hàng, du lịch, vui chơi, giải trí; xây dựng các trung tâm mua sắm chất lượng cao.

2.3. Thương mại bán buôn.

Thu hút các công ty phân phối lớn có mạng lưới và quy mô toàn cầu đầu tư xây dựng cơ sở kinh doanh tại các đô thị, trung tâm công nghiệp, đầu mối giao thông lớn. Phát triển hệ thống thị trường hàng tư liệu sản xuất, các trung tâm bán buôn, các doanh nghiệp bán buôn lớn, cung ứng trực tiếp từ sản xuất đến tiêu dùng.

2.4. Phát triển trung tâm logistics.

Trong thời kỳ đến 2025 trên địa bàn tỉnh sẽ xây dựng 01 Trung tâm Logistics và 01 trung tâm hội chợ triển lãm.

3. Quy hoạch phát triển Thương mại theo không gian

3.1. Thương mại đô thị.

Thu hút đầu tư xây dựng các Trung tâm thương mại lớn tại thành phố Phú Lý với 03 trung tâm thương mại và 02 siêu thị. Tại thị trấn Vĩnh Trụ - Lý Nhân, trung tâm huyện Thanh Liêm và đô thị Duy Tiên sẽ thu hút đầu tư xây dựng thêm từ 2 đến 4 Trung tâm Thương mại và từ 3-5 siêu thị. Đồng thời, từng bước chuẩn bị các điều kiện cơ sở hạ tầng, cơ sở kinh tế và một phần cơ sở vật chất, kỹ thuật thương mại cho các cụm thương mại tại các huyện trong tỉnh.

Từ sau năm 2025, không gian phát triển thương mại của tỉnh Hà Nam sẽ được mở ra ngay từ các tuyến huyện, thị trấn với phạm vi ngày càng rộng hơn và chứa đựng các hoạt động thương mại đa dạng, đa chiều hơn.

3.2. Thương mại nông thôn.

- Hướng Quy hoạch là trên cơ sở các chợ đã được xây dựng và có lịch sử lâu đời cần nâng cấp, mở rộng phù hợp với lượng hàng hoá và tập quán tiêu dùng. Đồng thời khuyến khích phát triển đa dạng các loại hình tổ chức thương mại, dần hình thành không gian giao dịch, mua sắm phong phú, thuận tiện.

4. Ngoại thương

4.1. *Xuất khẩu*: Khuyến khích và tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu trực tiếp. Nâng cao giá trị gia tăng của các sản phẩm xuất khẩu chính đã có của tỉnh đặc biệt là những mặt hàng trong các khu công nghiệp, đồng thời quan tâm phát triển các sản phẩm mới có giá trị cao.

4.2. *Nhập khẩu*: Quan tâm nhập khẩu các thiết bị, dây truyền công nghệ tiên tiến phục vụ sản xuất; một số vật tư thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và một phần hàng tiêu dùng cần thiết mà trong tỉnh, trong nước không sản xuất được hoặc sản xuất không đủ tiêu dùng.

5. Phát triển thương mại điện tử

Giai đoạn đến 2025: Tiếp tục triển khai thực hiện công tác đào tạo nâng cao khả năng hoạt động thương mại điện tử của doanh nghiệp và người tiêu dùng. Khuyến khích đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động thương mại điện tử. Phấn đấu đến năm 2025 hoạt động thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh đạt mức khá của cả nước.

Hình thành một số doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử lớn có uy tín trong khu vực; khuyến khích doanh nghiệp, cá nhân khởi nghiệp kinh doanh bằng thương mại điện tử. Hình thành, phát triển các sàn giao dịch thương mại điện tử xuyên biên giới.

IV. MỘT SỐ NHÓM GIẢI PHÁP, CHÍNH SÁCH CHỦ YẾU

1. Tăng cường hiệu quả thu hút đầu tư

Tăng cường quảng bá, xúc tiến đầu tư để thu hút kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh. Cải thiện môi trường đầu tư, nhất là cải cách hành chính; chuẩn bị mặt bằng, tạo điều kiện về cơ sở hạ tầng để tiếp nhận các dự án đầu tư. Xây dựng cơ chế chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn, công khai minh bạch phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Phát triển nguồn nhân lực

Chú trọng công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước và doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp thương mại; thu hút nhân tài, lao động có tay nghề cao đến làm việc lâu dài tại tỉnh Hà Nam.

Xây dựng cơ chế khuyến khích phát triển, hỗ trợ các cơ sở dạy nghề, các doanh nghiệp đào tạo nâng cao nguồn nhân lực có trình độ cao; đào tạo thương mại điện tử cho doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Đáp ứng yêu cầu đặt ra của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

3. Phát triển khoa học công nghệ

Hỗ trợ vốn chuyên giao công nghệ cho cơ sở sản xuất quy mô nhỏ, chi phí đăng ký nhãn mác hàng hóa, xây dựng thương hiệu...

Trong chuyên giao công nghệ cần khuyến khích, tranh thủ tối đa việc tiếp nhận công nghệ hiện đại; chú trọng chuyên giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên mở các lớp đào tạo cán bộ quản lý doanh nghiệp để nâng cao trình độ quản lý doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu hội nhập và cạnh tranh.

Đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức và thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ theo hướng gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với sản xuất.

4. Hợp tác phát triển liên vùng

Tăng cường quan hệ hợp tác giữa Hà Nam với các tỉnh, thành phố trong khu vực, nhất là thành phố Hà Nội. Phối hợp chặt chẽ, tận dụng tối đa lợi thế về liên kết vùng, liên kết tuyến để đẩy nhanh phát triển công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh và khu vực.

Chủ động xây dựng và triển khai cùng các địa bàn khác trong vùng, tuyến hành lang kinh tế những chương trình phát triển công nghiệp công nghệ cao thích hợp cho tỉnh, vùng và tuyến hành lang kinh tế như công nghiệp phần mềm, công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ chế biến thực phẩm chất lượng cao,...

5. Tăng cường hoạt động bảo vệ môi trường

Thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường, phát hiện và xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm, đồng thời có tuyên dương, khen thưởng đối với các doanh nghiệp thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường.

Tiến hành sớm việc đánh giá hiện trạng môi trường đối với toàn bộ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện có, các cơ sở sản xuất để có phương án xử lý chung trên địa bàn cũng như từng khu vực.

V. DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Tập trung ưu tiên thu hút đầu tư vào các nhóm ngành như: Công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo, chế biến nông sản - thực phẩm; Các dự án cơ sở hạ tầng và dịch vụ thương mại. Trong đó trọng tâm là tại các khu công nghiệp và hạ tầng dịch vụ thương mại tại Thành phố Phủ Lý.

Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư cho phát triển công nghiệp thương mại, bao gồm: Vốn doanh nghiệp, nhân dân, vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định.


2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam khóa XVIII, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các bộ: Tư pháp, Công thương;
- BTV Tỉnh ủy;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở: Tư pháp, Công thương;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Phạm Sỹ Lợi